

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THƯƠNG PHÚ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017
(đã được soát xét)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THƯƠNG PHÚ

Km19, Thôn Cọp, Xã Hương Phùng, Huyện Hương Hóa,
Tỉnh Quảng Trị

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04-05
Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét	06-31
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	11-31

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THƯƠNG PHÚ

Km19, Thôn Cọp, Xã Hướng Phùng, Huyện Hướng Hóa,
Tỉnh Quảng Trị

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cà phê Thương Phú (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Cà phê Thương Phú được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3200474316 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Trị cấp lần đầu ngày 25 tháng 10 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ bảy ngày 17 tháng 04 năm 2017.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Km19, Thôn Cọp, Xã Hướng Phùng, Huyện Hướng Hóa, Tỉnh Quảng Trị.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Võ Văn Thắng	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 29/06/2017
Ông Võ Quang Thành	Chủ tịch	Từ nhiệm ngày 29/06/2017
Ông Hồ Văn Tiến	Ủy viên	
Bà Nguyễn Thị Thùy	Ủy viên	
Ông Nguyễn Bá Nam	Ủy viên	
Ông Nguyễn Xuân Thủy	Ủy viên	

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Hữu Ái	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Phương Nam	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Trần Ngọc Lan	Trưởng ban
Ông Võ Văn Long	Thành viên
Ông Võ Ngọc Bằng	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THƯƠNG PHÚ

Km19, Thôn Cọp, Xã Hướng Phùng, Huyện Hướng Hóa,
Tỉnh Quảng Trị

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30/06/2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Hữu Ái
Tổng Giám đốc

Quảng Trị, ngày 20 tháng 07 năm 2017

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Cà phê Thương Phú**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Cà phê Thương Phú được lập ngày 20 tháng 07 năm 2017, từ trang 06 đến trang 31, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cà phê Thương Phú tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biễn

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2013-002-1

Hà Nội, ngày 28 tháng 07 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		129.709.318.371	116.171.793.871
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	4.926.985.333	8.892.244.475
111	1. Tiền		4.926.985.333	8.892.244.475
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		65.195.859.598	63.425.759.800
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	43.907.959.593	35.471.612.800
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	21.287.900.005	27.954.147.000
140	IV. Hàng tồn kho	6	58.571.668.154	42.932.528.965
141	1. Hàng tồn kho		58.571.668.154	42.932.528.965
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.014.805.286	921.260.631
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	8	56.039.729	65.763.844
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		958.765.557	855.496.787
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		29.603.140.497	31.060.645.249
220	II. Tài sản cố định		26.127.180.290	27.622.799.594
221	1. Tài sản cố định hữu hình	7	26.127.180.290	27.622.799.594
222	- Nguyên giá		35.119.024.029	35.119.024.029
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(8.991.843.739)	(7.496.224.435)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		3.475.960.207	3.437.845.655
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	8	3.475.960.207	3.437.845.655
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		159.312.458.868	147.232.439.120

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THƯƠNG PHÚ

Km19, Thôn Cọc, Xã Hương Phùng, Huyện Hương Hóa,
Tỉnh Quảng Trị

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		21.190.257.987	21.079.116.096
310	I. Nợ ngắn hạn		21.190.257.987	20.488.111.096
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	9	487.200.777	230.069.033
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		-	305.971.500
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	10	1.176.331.584	863.975.493
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn		9.497.627	46.279.964
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	11	80.739.063	49.242.419
320	6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	12	16.923.192.637	17.812.604.800
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		2.513.296.299	1.179.967.887
330	II. Nợ dài hạn		-	591.005.000
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	12	-	591.005.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		138.122.200.881	126.153.323.024
410	I. Vốn chủ sở hữu	13	138.122.200.881	126.153.323.024
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		100.000.000.000	100.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		100.000.000.000	100.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		2.513.296.299	1.179.967.887
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		33.576.318.597	22.942.001.533
421a	LNST chưa phân phối lũy kết đến cuối năm trước		20.275.344.709	9.608.717.414
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		13.300.973.888	13.333.284.119
429	5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		2.032.585.985	2.031.353.604
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		159.312.458.868	147.232.439.120

Phu

Phu



Hồ Văn Tiến
Người lập

Hồ Văn Tiến
Kế toán trưởng

Nguyễn Hữu Ái
Tổng Giám đốc

Quảng Trị, ngày 20 tháng 07 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THƯƠNG PHÚ

Km19, Thôn Cọp, Xã Hường Phùng, Huyện Hường Hóa,
Tỉnh Quảng Trị

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu năm 2017

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2017	2016
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	15	133.744.428.187	105.129.748.790
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		133.744.428.187	105.129.748.790
11	4. Giá vốn hàng bán	16	117.354.528.326	97.874.383.634
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		16.389.899.861	7.255.365.156
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	17	65.437.551	55.865.300
22	7. Chi phí tài chính	18	701.974.424	576.883.531
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		596.126.090	553.974.418
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		-	-
25	9. Chi phí bán hàng	19	737.159.515	583.206.461
26	10 Chi phí quản lý doanh nghiệp	20	1.001.226.489	986.831.581
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		14.014.976.984	5.164.308.883
31	12. Thu nhập khác		-	-
32	13. Chi phí khác		2.475.000	483.592
40	14. Lợi nhuận khác		(2.475.000)	(483.592)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		14.012.501.984	5.163.825.291
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	21	710.295.715	413.177.168
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>13.302.206.269</u>	<u>4.750.648.123</u>
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		13.300.973.888	4.723.481.712
62	20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát		1.232.381	27.166.411
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	22	1.330	472
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	23	1.209	472

PL

PL



Hồ Văn Tiến
Người lập

Hồ Văn Tiến
Kế toán trưởng

Nguyễn Hữu Ái
Tổng Giám đốc

Quảng Trị, ngày 20 tháng 07 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm 2017
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2017	2016
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		14.012.501.984	5.163.825.291
	5. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		1.495.619.304	1.442.666.502
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		68.715.882	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(3.789.967)	(3.537.444)
06	- Chi phí lãi vay		596.126.090	553.974.418
08	11 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		16.169.173.293	7.156.928.767
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(1.873.368.568)	(7.709.104.381)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(15.639.139.189)	(351.711.646)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(7.845.485)	(286.704.722)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(28.390.437)	4.584.530
14	- Tiền lãi vay đã trả		(642.406.054)	(553.974.418)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(397.939.624)	(376.852.788)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(2.419.916.064)	(2.116.834.658)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	(30.100.000)
24	2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	3.408.000.000
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		3.789.967	3.537.444
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		3.789.967	3.381.437.444
	III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ đi vay		18.559.917.715	15.484.000.000
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(20.109.050.760)	(17.480.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(1.549.133.045)	(1.996.000.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(3.965.259.142)	(731.397.214)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm 2017
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2017	2016
			VND	VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		8.892.244.475	9.990.823.242
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>4.926.985.333</u>	<u>9.259.426.028</u>

TKM

TKM



Hồ Văn Tiến
Người lập

Hồ Văn Tiến
Kế toán trưởng

Nguyễn Hữu Ái
Tổng Giám đốc

Quảng Trị, ngày 20 tháng 07 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu năm 2017

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cà phê Thương Phú được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3200474316 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Trị cấp lần đầu ngày 25 tháng 10 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ bảy ngày 17 tháng 04 năm 2017.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Km19, Thôn Cọp, Xã Hương Phùng, Huyện Hương Hóa, Tỉnh Quảng Trị.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 100 tỷ đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2017 là 100.000.000.000 đồng; tương đương 10.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất công nghiệp và kinh doanh thương mại.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là:

- Sản xuất, chế biến hàng nông, lâm, hải sản, cụ thể là cà phê;
- Bán buôn sản phẩm nông nghiệp.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Trong 06 tháng đầu năm 2017, Công ty thúc đẩy xuất khẩu sản phẩm cà phê Arabica ra thị trường nước ngoài. Đồng thời, Công ty cũng thay đổi tỷ trọng thành phẩm bán ra, tăng cường bán cà phê nhân có tỷ lệ lõi gộp cao hơn cà phê thóc, kết hợp với công tác quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh tốt hơn dẫn đến doanh thu và hiệu quả kinh doanh kỳ này tăng so với cùng kỳ năm trước.

Cấu trúc Tập đoàn

- Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 30/06/2017 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Nasan Việt Nam	Hà Nội	96,67%	96,67%	Sản xuất và buôn bán nông, lâm sản

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của công ty con do Công ty kiểm soát (công ty con) được lập cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của công ty này.

Báo cáo tài chính của công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Các phương pháp kế toán khác khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.



2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.6 . Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn

2.7 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.8 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí nguyên vật liệu chính cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.9 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	08 - 10 năm
- Máy móc, thiết bị	08 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08 năm
- Tài sản cố định khác	08 năm

2.10 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.11 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.12 . Các khoản vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.13 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.14 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.15 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.16 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Cổ phiếu thưởng hay cổ tức trả bằng cổ phiếu: Không ghi nhận khoản thu nhập khi quyền được nhận cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập, số lượng cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu nhận được thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất có liên quan.

1117
ÔNG
KIỂM
KIỂM
AS
EM

2.17 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

2.18 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.19 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

b) Ưu đãi thuế

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trên thu nhập tính thuế áp dụng cho doanh nghiệp đầu tư trên địa bàn có điều kiện khó khăn theo quy định. Công ty được miễn thuế TNDN trong 5 năm từ năm 2010 đến năm 2014, và giảm 50% số thuế TNDN trong 9 năm tiếp theo quy định tại khoản 1 điều 19 và khoản 1 điều 20 thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 "Hướng dẫn thi hành nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành luật thuế thu nhập doanh nghiệp."

2.20 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên trực tiếp hoặc gián tiếp phản quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THƯƠNG PHÚKm19, Thôn Cọp, Xã Hướng Phùng, Huyện Hướng Hóa,
Tỉnh Quảng Trị**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	1.821.519.721	369.090.224
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.105.465.612	8.523.154.251
	4.926.985.333	8.892.244.475

4 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn		
- Công ty Cổ phần Cà phê Tây Bắc	18.948.762.800	19.693.512.800
- Công ty TNHH Tây Hà	-	7.562.000.000
- Công ty Cổ phần tư vấn và quản lý phát triển doanh nghiệp	4.132.030.000	8.216.100.000
- Công ty TNHH TD Việt Nam	10.002.030.000	-
- Công ty CP Sản xuất và Xuất nhập khẩu quế hồi Việt Nam	10.032.330.000	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	792.806.793	-
	43.907.959.593	35.471.612.800

5 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ứng trước tiền cho các hộ nông dân để mua cà phê	9.931.650.200	-	13.108.647.000	-
Công ty TNHH Tây Hà	3.975.999.805	-	2.638.000.000	-
Công ty Cổ phần Cà phê Tây Bắc	7.274.000.000	-	12.191.000.000	-
Trả trước cho người bán khác	106.250.000	-	16.500.000	-
	21.287.900.005	-	27.954.147.000	-

6 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	6.690.656.563	-	12.922.077.410	-
Công cụ, dụng cụ	167.051.553	-	50.404.530	-
Thành phẩm	46.961.960.038	-	25.043.047.025	-
Hàng hoá	4.752.000.000	-	4.917.000.000	-
	58.571.668.154	-	42.932.528.965	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THƯƠNG PHÚKm19, Thôn Cọp, Xã Hướng Phùng, Huyện Hướng Hóa,
Tỉnh Quảng Trị**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017**7 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	17.136.325.120	15.523.526.182	2.057.172.727	402.000.000	35.119.024.029
Số dư cuối kỳ	17.136.325.120	15.523.526.182	2.057.172.727	402.000.000	35.119.024.029
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	2.594.611.723	4.022.597.641	665.349.318	213.665.753	7.496.224.435
- Khấu hao trong kỳ	570.527.486	784.318.182	115.648.636	25.125.000	1.495.619.304
Số dư cuối kỳ	3.165.139.209	4.806.915.823	780.997.954	238.790.753	8.991.843.739
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	14.541.713.397	11.500.928.541	1.391.823.409	188.334.247	27.622.799.594
Tại ngày cuối kỳ	13.971.185.911	10.716.610.359	1.276.174.773	163.209.247	26.127.180.290

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 10.134.207.801 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THƯƠNG PHÚKm19, Thôn Cọp, Xã Hướng Phùng, Huyện Hướng Hóa,
Tỉnh Quảng Trị**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

8 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<u>30/06/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	30.434.503	50.811.989
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	25.605.226	14.951.855
	<u>56.039.729</u>	<u>65.763.844</u>
b) Dài hạn		
Chi phí chuẩn bị mặt bằng nhà xưởng 13.151 m ²	3.310.826.609	3.353.839.875
Chi phí trả trước dài hạn khác	165.133.598	84.005.780
	<u>3.475.960.207</u>	<u>3.437.845.655</u>

9 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>30/06/2017</u>		<u>01/01/2017</u>	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
VINATRANCO	423.530.400	423.530.400	114.023.133	114.023.133
Công ty TNHH MTV TM Tư Thành	-	-	69.945.000	69.945.000
Phải trả các đối tượng khác	63.670.377	63.670.377	46.100.900	46.100.900
	<u>487.200.777</u>	<u>487.200.777</u>	<u>230.069.033</u>	<u>230.069.033</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THƯƠNG PHÚKm19, Thôn Cọp, Xã Hướng Phùng, Huyện Hướng Hóa,
Tỉnh Quảng Trị**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017**10 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	863.975.493	710.295.715	397.939.624	-	1.176.331.584
Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
	-	863.975.493	713.295.715	400.939.624	-	1.176.331.584

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

11 . PHẢI TRẢ KHÁC NGẮN HẠN

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Bảo hiểm xã hội	64.458.224	39.918.500
- Bảo hiểm y tế	11.323.207	6.492.035
- Bảo hiểm thất nghiệp	4.957.632	2.831.884
	80.739.063	49.242.419

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THƯƠNG PHÚ

Km19, Thôn Cọp, Xã Hương Phùng, Huyện Hương Hóa,
Tỉnh Quảng Trị

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

12 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	01/01/2017		Trong kỳ		30/06/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn	17.655.008.800	17.655.008.800	18.628.633.597	19.360.449.760	16.923.192.637	16.923.192.637
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hà Đông	4.390.000.000	4.390.000.000	-	4.390.000.000	-	-
- Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt (1)	-	-	800.000.000	-	800.000.000	800.000.000
- Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thanh Xuân	5.000.000.000	5.000.000.000	-	5.000.000.000	-	-
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Trì (2)	7.765.008.800	7.765.008.800	15.321.291.700	9.177.758.980	13.908.541.520	13.908.541.520
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Sở giao dịch (3)	500.000.000	500.000.000	2.507.341.897	792.690.780	2.214.651.117	2.214.651.117
Nợ dài hạn đến hạn trả	157.596.000	157.596.000	-	157.596.000	-	-
- Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thanh Xuân	157.596.000	157.596.000	-	157.596.000	-	-
	17.812.604.800	17.812.604.800	18.628.633.597	19.518.045.760	16.923.192.637	16.923.192.637
b) Vay dài hạn						
- Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thanh Xuân	748.601.000	748.601.000	-	748.601.000	-	-
	748.601.000	748.601.000	-	748.601.000	-	-
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(157.596.000)	(157.596.000)	-	(157.596.000)	-	-
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	591.005.000	591.005.000				

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

- (1) Hợp đồng tín dụng số HDTD11420170108 ngày 31/05/2017, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 10 tỷ đồng;
 - + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;
 - + Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày ký;
 - + Lãi suất cho vay: theo từng khế ước nhận nợ, lãi suất áp dụng tại 30/06/2017 là 7,5%/năm;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ là: 800 triệu đồng;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: đảm bảo bằng tài sản gắn liền với đất cùng dây chuyền sản xuất cà phê tại xã Hường Phùng, huyện Hường Hóa, tỉnh Quảng Trị; ô tô con thuộc sở hữu Công ty và một số tài sản hợp pháp của các cá nhân khác.
- (2) Hợp đồng tín dụng số 01/2016/7927980/HDTD ngày 19/12/2016 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Trì, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 25 tỷ đồng;
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh thanh toán, mở L/C phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của bên vay;
 - + Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày kí hợp đồng này, căn cứ theo từng giấy nhận nợ;
 - + Lãi suất cho vay: 4,5%/năm;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ là: 611.388 USD, tương đương 13.908.541.520 đồng;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: xe ô tô con thuộc tài sản của Công ty CP Nasan Việt Nam và một số tài sản hợp pháp của các cá nhân khác.
- (3.1) Hợp đồng tín dụng số 281216-2300660-01-SME ngày 30/12/2016 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Sở giao dịch, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 3 tỷ đồng;
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh cà phê;
 - + Thời hạn của hợp đồng: thời hạn vay của các khoản vay thuộc hạn mức không được vượt quá 12 tháng, thời hạn cụ thể sẽ được quy định trong khế ước nhận nợ;
 - + Lãi suất cho vay: 7,9%/năm;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ là: 91.776,15 USD, tương đương 2.089.651.117 đồng;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: tín chấp bởi bà Nguyễn Thị Thủy theo hợp đồng bảo lãnh số 281216-2300660-01-SME/HĐBL ngày 30/12/2016.
- (3.2) Hợp đồng tín dụng số 281216-2300660-01-SME ngày 30/12/2016 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Sở giao dịch, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 3 tỷ đồng;
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh cà phê;
 - + Thời hạn của hợp đồng: thời hạn vay của các khoản vay thuộc hạn mức không được vượt quá 12 tháng, thời hạn cụ thể sẽ được quy định trong khế ước nhận nợ;
 - + Lãi suất cho vay: 14%/năm;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 125 triệu đồng;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: tín chấp bởi bà Nguyễn Thị Thủy theo hợp đồng bảo lãnh số 281216-2300660-01-SME/HĐBL ngày 30/12/2016.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THƯƠNG PHÚKm19, Thôn Cọp, Xã Hướng Phùng, Huyện Hướng Hóa,
Tỉnh Quảng Trị**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

13 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	100.000.000.000	543.378.539	10.880.653.507	2.006.213.010	113.430.245.056
Lãi trong kỳ trước	-	-	4.723.481.712	27.166.411	4.750.648.123
Phân phối lợi nhuận	-	636.589.348	(1.273.178.696)	-	(636.589.348)
Điều chỉnh khác	-	-	1.242.603	(1.242.603)	-
Số dư cuối kỳ trước	100.000.000.000	1.179.967.887	14.332.199.126	2.032.136.818	117.544.303.831
Số dư đầu năm nay	100.000.000.000	1.179.967.887	22.942.001.533	2.031.353.604	126.153.323.024
Lãi trong kỳ này	-	-	13.300.973.888	1.232.381	13.302.206.269
Phân phối lợi nhuận	-	1.333.328.412	(2.666.656.824)	-	(1.333.328.412)
Số dư cuối kỳ này	100.000.000.000	2.513.296.299	33.576.318.597	2.032.585.985	138.122.200.881

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông thường niên số 25/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10/03/2017, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2016 của Công ty mệ như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền
	%	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100,00%	22.942.001.533
Trích Quỹ đầu tư phát triển	5,81%	1.333.328.412
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	5,81%	1.333.328.412
Chi trả cổ tức bằng tiền (bằng 5% vốn điều lệ) (*)	21,79%	5.000.000.000
Chi trả cổ tức bằng cổ phiếu (bằng 10% vốn điều lệ) (*)	43,59%	10.000.000.000
Lợi nhuận chưa phân phối	22,99%	5.275.344.709

(*) Tại thời điểm 30/06/2017, Công ty chưa có thông báo chốt quyền nhận cổ tức nên chưa ghi giảm lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đối với khoản cổ tức đã công bố trên.



CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THƯƠNG PHÚ

Km19, Thôn Cọp, Xã Hướng Phùng, Huyện Hướng Hóa,
Tỉnh Quảng Trị

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối kỳ VND	Tỷ lệ (%)	Đầu kỳ VND
Bà Nguyễn Thị Thùy	15,00%	15.000.000.000	15,00%	15.000.000.000
Ông Võ Văn Thắng	5,90%	5.900.000.000	1,00%	1.000.000.000
Ông Võ Quang Thành	4,80%	4.800.000.000	4,80%	4.800.000.000
Các cổ đông khác	74,30%	74.300.000.000	79,20%	79.200.000.000
	100%	100.000.000.000	100%	100.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	6 tháng đầu năm 2017 VND	6 tháng đầu năm 2016 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	100.000.000.000	100.000.000.000
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	100.000.000.000	100.000.000.000
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	100.000.000.000	100.000.000.000

d) Cổ phiếu

	30/06/2017	01/01/2017
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.000.000	10.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.000.000	10.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	10.000.000	10.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Quỹ đầu tư phát triển	2.513.296.299	1.179.967.887
	2.513.296.299	1.179.967.887

14 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại

	30/06/2017	01/01/2017
- Đồng đô la Mỹ (USD)	4.292,39	170.872,39

15 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	6 tháng đầu năm 2017 VND	6 tháng đầu năm 2016 VND
Doanh thu bán hàng hóa	29.538.160.526	-
Doanh thu bán thành phẩm	104.206.267.661	105.129.748.790
	133.744.428.187	105.129.748.790

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THƯƠNG PHÚKm19, Thôn Cọp, Xã Hường Phùng, Huyện Hường Hóa,
Tỉnh Quảng Trị**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

16 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	28.605.388.400	-
Giá vốn của thành phẩm đã bán	88.749.139.926	97.874.383.634
	117.354.528.326	97.874.383.634

17 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	3.789.967	3.537.444
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	61.647.584	52.327.856
	65.437.551	55.865.300

18 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền vay	596.126.090	553.974.418
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	37.132.452	22.909.113
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	68.715.882	-
	701.974.424	576.883.531

19 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	590.663.974	454.993.092
Chi phí khác bằng tiền	146.495.541	128.213.369
	737.159.515	583.206.461

20 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	82.441.751	47.494.082
Chi phí nhân công	737.774.102	592.784.465
Thuế, phí, lệ phí	6.000.000	6.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	112.209.189	229.885.084
Chi phí khác bằng tiền	62.801.447	110.667.950
	1.001.226.489	986.831.581

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THƯƠNG PHÚKm19, Thôn Cọp, Xã Hướng Phùng, Huyện Hướng Hóa,
Tỉnh Quảng Trị**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

21 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	14.012.501.984	5.163.825.291
Chi phí thuế TNDN hiện hành công ty mẹ	700.434.111	209.429.087
Chi phí thuế TNDN hiện hành công ty con	9.861.604	203.748.081
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	710.295.715	413.177.168
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	863.975.493	376.852.788
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	(397.939.624)	(376.852.788)
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	1.176.331.584	413.177.168

22 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	13.300.973.888	4.723.481.712
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	13.300.973.888	4.723.481.712
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	10.000.000	10.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.330	472

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017.

23 . LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi suy giảm trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	13.300.973.888	4.723.481.712
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	13.300.973.888	4.723.481.712
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ (*)	11.000.000	10.000.000
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.209	472

(*) Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông thường niên số 25/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10/03/2017, Công ty công bố trả cổ tức bằng cổ phiếu thưởng với tỷ lệ 10% vốn điều lệ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THƯƠNG PHÚKm19, Thôn Cọp, Xã Hương Phùng, Huyện Hương Hóa,
Tỉnh Quảng Trị**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

24 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	6 tháng đầu năm 2017 VND	6 tháng đầu năm 2016 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	108.607.094.751	100.636.244.628
Chi phí nhân công	1.220.514.843	1.042.798.075
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.495.619.304	1.442.666.502
Chi phí dịch vụ mua ngoài	829.012.144	846.026.219
Chi phí khác bằng tiền	254.197.901	244.976.498
	112.406.438.943	104.212.711.922

25 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.926.985.333	-	8.892.244.475	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	43.907.959.593	-	35.471.612.800	-
	48.834.944.926	-	44.363.857.275	-

	Giá trị sổ kế toán	
	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	16.923.192.637	18.403.609.800
Phải trả người bán, phải trả khác	567.939.840	279.311.452
Chi phí phải trả	9.497.627	46.279.964
	17.500.630.104	18.729.201.216

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THƯƠNG PHÚKm19, Thôn Cọp, Xã Hương Phùng, Huyện Hương Hóa,
Tỉnh Quảng Trị**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2017				
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.926.985.333	-	-	4.926.985.333
Phải thu khách hàng, phải thu khác	43.907.959.593	-	-	43.907.959.593
	<u>48.834.944.926</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>48.834.944.926</u>
Tại ngày 01/01/2017				
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.892.244.475	-	-	8.892.244.475
Phải thu khách hàng, phải thu khác	35.471.612.800	-	-	35.471.612.800
	<u>44.363.857.275</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>44.363.857.275</u>

105 - C
CÔNG TY
HỮU HẠN
TÀI CHÍNH
SC
1 - TP. V

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THƯƠNG PHÚKm19, Thôn Cọp, Xã Hướng Phùng, Huyện Hướng Hóa,
Tỉnh Quảng Trị**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2017				
Vay và nợ	16.923.192.637	-	-	16.923.192.637
Phải trả người bán, phải trả khác	567.939.840	-	-	567.939.840
Chi phí phải trả	9.497.627	-	-	9.497.627
	<u>17.500.630.104</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>17.500.630.104</u>
Tại ngày 01/01/2017				
Vay và nợ	17.812.604.800	591.005.000	-	18.403.609.800
Phải trả người bán, phải trả khác	279.311.452	-	-	279.311.452
Chi phí phải trả	46.279.964	-	-	46.279.964
	<u>18.138.196.216</u>	<u>591.005.000</u>	<u>-</u>	<u>18.729.201.216</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

26 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

a) Số tiền đi vay thực thu trong kỳ			
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường;		18.559.917.715	15.484.000.000
b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ			
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường;		20.109.050.760	17.480.000.000

27 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THƯƠNG PHÚKm19, Thôn Cọp, Xã Hương Phùng, Huyện Hương Hóa,
Tỉnh Quảng Trị**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

28 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

	<u>Hoạt động sản xuất</u>	<u>Hoạt động thương</u>	<u>Tổng cộng toàn</u>
	VND	mại	doanh nghiệp
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	104.206.267.661	29.538.160.526	133.744.428.187
Chi phí bộ phận trực tiếp	88.749.139.926	28.605.388.400	117.354.528.326
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	<u>15.457.127.735</u>	<u>932.772.126</u>	<u>16.389.899.861</u>
Tài sản bộ phận trực tiếp	148.451.616.696	4.752.000.000	153.203.616.696
Tài sản không phân bổ	-	-	6.108.842.172
Tổng tài sản	<u>148.451.616.696</u>	<u>4.752.000.000</u>	<u>159.312.458.868</u>
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	21.190.257.987
Tổng nợ phải trả	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>21.190.257.987</u>

Theo khu vực địa lý

	<u>Nội địa</u>	<u>Xuất khẩu</u>	<u>Tổng cộng toàn</u>
	VND	VND	doanh nghiệp
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	73.858.762.333	59.885.665.854	133.744.428.187
Tài sản bộ phận	158.519.652.075	792.806.793	159.312.458.868

29 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	<u>6 tháng đầu năm</u>	<u>6 tháng đầu năm</u>
	2017	2016
	VND	VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	107.460.822	108.243.875

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THƯƠNG PHÚ

Km19, Thôn Cọp, Xã Hương Phùng, Huyện Hương Hóa,
Tỉnh Quảng Trị

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

30 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC soát xét.

Tey

Tey



Hồ Văn Tiến
Người lập

Hồ Văn Tiến
Kế toán trưởng

Nguyễn Hữu Ái
Tổng Giám đốc

Quảng Trị, ngày 20 tháng 07 năm 2017

